

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

Bản án số: 32/2019/HS-ST

Ngày 30 - 10 - 2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Đức Toàn – Nghề nghiệp: Phó trưởng ban dân chủ - pháp luật,
Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai.

- Bà Nguyễn Thị Kim – Nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Lào Cai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:***
Ông Phạm Văn Huỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét
xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2019/TLST-HS ngày
18 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
39/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 14 tháng 6 năm 2002
tại thành phố C, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn 7, xã T1, thành phố C, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự
do; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt
Nam; con ông Nguyễn Trường T2 và bà Lâm Thị M; tiền án: Không; tiền sự:
Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giữ từ ngày 22/7/2019 và bị tạm giam từ ngày
31/7/2019 – Có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:* Chị Lâm Thị M, sinh năm 1981 (là
mẹ đẻ của bị cáo); Nơi cư trú: Thôn 7, xã T1, thành phố C, tỉnh Lào Cai. Có
mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T:* Bà Hoàng Thị Diễm H, Trợ
giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có
mặt.

2. Phạm Thu H (tên gọi khác: Không), sinh ngày 06 tháng 10 năm 2002
tại huyện T3, tỉnh Thái Bình .

Nơi cư trú: Tổ 06, phường L, thành phố C, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn G (đã chết năm 2011) và bà Mai Chung T4; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giữ từ ngày 22/7/2019 đến ngày 31/7/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – Có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:* Bà Phùng Thị T5, sinh năm 1955 (là bà ngoại của bị cáo); Nơi cư trú: Tổ 6, phường L, thành phố C, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thu H:* Bà Trần Thị C, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt.

3. Nguyễn Quốc D (tên gọi khác: Không), sinh ngày 06 tháng 10 năm 1967 tại thành phố Lào C, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Số nhà 045, đường M12, thôn G1, xã H2, thành phố C, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc V (đã chết) và bà Đỗ Thị S; có vợ là Lương Thị T6 và có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Có 01 tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 28/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xử phạt 10 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; nhân thân: Không tốt; bị bắt tạm giữ từ ngày 23/7/2019 và bị tạm giam từ ngày 31/7/2019. Có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người chứng kiến: Ông Nguyễn Văn Th7, sinh năm 1953.

Nơi cư trú: Thôn 7 xã T1, thành phố C, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng ngày 12/7/2019, Phạm Thu H đến ở phòng 607, Chung cư Nam Huy cùng với Nguyễn Thị T và Nguyễn Bá P. Trong thời gian ở cùng tại phòng 607, Phạm Thu H không tham gia cùng T trong việc mua và cất giấu ma túy, chỉ biết Nguyễn Thị T có ma túy nhưng không biết số lượng và cất giấu ở những đâu. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 22/7/2019, khi có khách gọi mua ma túy thì Nguyễn Thị T lấy 01 túi ma túy dạng tinh thể để vào trong 01 hộp bánh đậu xanh Thiên Hương đưa cho Phạm Thu H để H mang đi bán cho khách tại sân Chung cư Nam Huy với giá 500.000đ. Khi lấy tiền về thì Nguyễn Thị T sẽ cho Phạm Thu H từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng tiền công. Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 22/7/2019, khi Phạm Thu H đang mang theo hộp bánh đựng ma túy tại sân Chung cư Nam Huy thì bị lực lượng Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Lào Cai bắt quả tang, thu giữ và niêm phong vật chứng.

Căn cứ lời khai của Phạm Thu H hồi 13 giờ 20 phút ngày 22/7/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai đã khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị T tại phòng 607 nhà N4 khu B, Chung cư Nam Huy, thôn 7, xã

Đồng Tuyển, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Tại đây Nguyễn Thị T đã tự giác giao nộp cho cơ quan điều tra: 01 gói nilon đựng chất bột khô màu trắng; 01 gói nilon đựng 05 viên nén màu hồng và các hạt tinh thể màu trắng; 01 bình đựng nước bằng kim loại bên trong có 24 gói nilon chứa tinh thể màu trắng; 01 gói nilon bên trong chứa 58 viên nén màu hồng và 01 viên màu nâu; 01 hộp bằng gỗ bên trong có 01 gói nilon chứa các hạt tinh thể màu trắng; 01 lọ nhựa chứa chất bột khô màu trắng bên trong túi sách màu đen bạc; tại bàn trang điểm 03 gói nilon chứa các hạt tinh thể màu trắng và 01 viên nén màu nâu; 02 thanh kiếm bằng kim loại dài khoảng 80cm; 01 khẩu súng, 13 viên đạn. Ngoài ra thu giữ 01 cân điện tử; 02 điện thoại Iphone; tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp và Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Thị T.

Tại bản kết luận giám định số 176/GĐMT ngày 24/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận: Vật chứng thu giữ của Phạm Thu H trong khi bắt quả tang là 0,69 gam là loại chất ma túy Methamphetamine; Vật chứng thu giữ của Nguyễn Thị T là 30,52 gam là loại chất ma túy Methamphetamine và 17,18 gam chất ma túy Ketamine.

Tại bản kết luận giám định số 4415/C09(P3) ngày 09/8/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Khẩu súng gửi giám định là súng bắn đạn ghém cỡ 12, có tính năng tác dụng tương tự súng săn, không phải vũ khí quân dụng và không có tính năng tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng; 13 viên đạn gửi giám định là đạn ghém tự chế cỡ 12, không phải vũ khí quân dụng và không có tính năng tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị T khai nhận nguồn gốc các chất ma túy đã cất giấu gồm Methamphetamine dạng tinh thể, ma túy Methamphetamine dạng viên nén và ma túy Ketamine mục đích mua về chia ra làm nhiều gói nhỏ để bán kiếm lời. T khai nhận trong số ma túy này là mua của một người đàn ông tên Mạnh với số lượng là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) ma túy Methamphetamine dạng tinh thể và ma túy Ketamine; mua của người đàn ông tên D “Vượng” 01 gam Methamphetamine dạng tinh thể; mua của người nam giới tên Tùng “Trượng” 70 viên nén ma túy Methamphetamine với giá 5.000.000đ. Việc Nguyễn Thị T mua, cất giấu và bán ma túy, Nguyễn Bá Phẩm không tham gia và không biết.

Căn cứ lời khai của Nguyễn Thị T, hồi 12 giờ ngày 23/7/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai đã khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Quốc D tại thôn Hồng Giang, xã Vạn Hòa, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Quá trình khám xét nơi ở của Nguyễn Quốc D đã thu giữ gồm: 04 túi nilon nhỏ có chứa các hạt tinh thể màu trắng trong túi giả da để trong xe ô tô biển kiểm soát 24A-122.90; 01 túi nilon bên trong có 05 túi nilon chứa các hạt tinh thể màu trắng; 01 túi nilon nhỏ bên trong chứa chất bột khô màu trắng; 01 túi nilon bên trong đựng một viên nén màu xanh, 01 viên nén màu hồng; 01 túi nilon nhỏ bên trong chứa chất dẻo màu đen; 01 túi nilon nhỏ bên trong chứa 27 viên nén; 01 túi nilon nhỏ bên trong chứa 04 viên nén; 01 túi nilon nhỏ bên trong chứa chất

bột khô màu trắng. Ngoài ra thu giữ của Nguyễn Quốc D 100 túi nilon nhỏ có mép miết, 01 cân điện tử màu đen đã cũ; 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô tên chủ xe Nguyễn Quốc D; 01 điện thoại di động NOKIA đã qua sử dụng; 01 điện thoại Iphone đã cũ; 01 ô tô Biển kiểm soát 24A-122.90 xe đã qua sử dụng; Tiền Việt Nam 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Tại bản kết luận giám định số 177/GĐMT ngày 25/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận: Vật chứng thu giữ của Nguyễn Quốc D là 27,05 gam chất ma túy Methamphetamine; 0,8 gam Ketamine; 1,08 gam chất ma túy MDMA và 2,26 gam nhựa Thuốc phiện. Số vật chứng còn lại gửi giám định không phải chất ma túy.

Quá trình điều tra Nguyễn Quốc D khai nhận toàn bộ số ma túy bị thu giữ D mua về để sử dụng cho cá nhân gồm: Ma túy Methamphetamine dạng tinh thể mua của người phụ nữ tên Tiên không biết địa chỉ nhà ở đâu mang đến nhà Nguyễn Quốc D bán với giá 8.000.000đ (Tám triệu đồng); ma túy Ketamine và Thuốc phiện được người khác cho Nguyễn Quốc D không biết tên và địa chỉ của hai người này ở đâu và 02 viên ma túy tổng hợp Nguyễn Quốc D đã mua có từ lâu và cũng không nhớ mua của ai.

Tại Bản cáo trạng số 28/CT-VKS-P1 ngày 16/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai đã truy tố Nguyễn Thị T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm h khoản 3 Điều 251 của Bộ luật hình sự. Phạm Thu H về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự. Nguyễn Quốc D về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm n, o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Thị T, Phạm Thu H và Nguyễn Quốc D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã được tóm tắt ở trên và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu lời luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị T, Phạm Thu H phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, bị cáo Nguyễn Quốc D phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T mức án từ 11 (mười một) năm tù đến 12 (mười hai) năm tù. Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thu H mức án từ 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Căn cứ điểm n, o khoản 2, khoản 5 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc D mức án từ 09 (chín) năm tù đến 10 (mười) năm tù. Phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Quốc D với số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng, án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T trình bày quan điểm bào chữa: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T mức án từ 08 (tám) năm tù đến 10 (mười) năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thu H trình bày quan điểm bào chữa: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Thu H mức án từ 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị T khai nhận toàn bộ số ma túy mà cơ quan điều tra đã thu giữ khi khám nơi ở của bị cáo là của bị cáo mua về cất giấu với mục đích bán kiếm lời, tính cả số ma túy 0,69 gam Methamphetamine bị cáo đã đưa cho bị cáo Phạm Thu H mang đi bán. Như vậy đã có đủ căn cứ khẳng định: Nguyễn Thị T đã có hành vi mua bán trái phép chất ma túy với khối lượng 31,21 gam ma túy Methamphetamine; 17,18 gam ma túy Ketamine (Theo quy định tại nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ thì 17,18 gam ma túy Ketamine quy đổi theo chất Methamphetamine, tương đương 5,72 gam ma túy Methamphetamine). Tổng khối lượng ma túy cộng lại như sau: 31,21 gam Methamphetamine + 5,72 gam Methamphetamine = 36,93 gam ma túy Methamphetamine. Vì vậy, bị cáo đã phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự với tình tiết định khung: “*Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này*”.

Bị cáo Phạm Thu H đã có hành vi bán 0,69 gam ma túy Methamphetamine. Vì vậy, bị cáo đã phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Quốc D đã có hành vi tàng trữ 27,05 gam ma túy Methamphetamine; 1,08 gam ma túy MDMA; 0,8 gam ma túy Ketamine; 2,26 gam nhựa thuốc phiện (Theo quy định tại nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày

02/02/1018 của Chính phủ thì 0,8 gam ma túy Ketamine quy đổi theo chất Methamphetamine, tương đương 0,26 gam ma túy Methamphetamine; 2,26 gam nhựa thuốc phiện tương đương 0,75 gam ma túy Methamphetamine). Tổng khối lượng ma túy cộng lại như sau: 27,05 gam Methamphetamine+0,26 gam Methamphetamine+0,75 gam Methamphetamine + 1,08 gam ma túy MDMA=29,14 gam ma túy Methamphetamine. Vì vậy, bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm n, o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự với hai tình tiết định khung: “Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm e đến điểm m khoản này” và “Tái phạm nguy hiểm”.

Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Thị T và bị cáo Phạm Thu H là đồng phạm về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo Nguyễn Thị T là người đưa ma túy của mình cho bị cáo Phạm Thu H mang đi giao cho người mua và cầm tiền về đưa lại cho mình. Vì vậy, bị cáo T phải chịu trách nhiệm chính, sau đó đến bị cáo Phạm Thu H. Cơ quan điều tra không chứng minh được bị cáo Nguyễn Quốc D có hành vi mua bán trái phép chất ma túy cùng bị cáo Nguyễn Thị T, nên đã khởi tố, truy tố bị cáo D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Vì vậy, D không đồng phạm cùng bị cáo T và bị cáo H.

[3] Về hình phạt chính:

Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Thị T, Phạm Thu H, Nguyễn Quốc D là nguy hiểm cho xã hội và thuộc trường hợp nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, tác động xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội, ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi tội phạm nói chung và các tội phạm về ma túy nói riêng. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo thật nghiêm khắc trước pháp luật. Tuy nhiên, xét thấy trước khi phạm tội, bị cáo Nguyễn Thị T, Phạm Thu H có nhân thân tốt; không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, sau khi phạm tội, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo T, H, D đã thành khẩn khai báo. Bị cáo Nguyễn Thị T, Phạm Thu H đều có ông nội, bà nội được Nhà nước tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến, kỷ niệm chương chiến sỹ Trường Sơn. Vì vậy, các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 (bị cáo T, H được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51) của Bộ luật hình sự. Tuy không chứng minh được bị cáo D và bị cáo T là đồng phạm về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, nhưng căn cứ vào lời khai của bị cáo T, Cơ quan điều tra đã khám xét, thu giữ được ma túy và có căn cứ khởi tố bị cáo D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Vì vậy bị cáo T được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Khi phạm tội bị cáo T, H là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nên các bị cáo được áp dụng nguyên tắc xử lý và mức hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại Điều 91 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự.

Sau khi đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T đề nghị xử

phạt bị cáo với mức án 08 (tám) năm tù đến 10 (mười) năm tù. Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thu H đề nghị xử phạt bị cáo với mức án 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù là thấp, không có căn cứ pháp luật để chấp nhận, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận lời bào chữa và đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo.

Xét thấy mức hình phạt bổ sung là phạt tiền mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo D là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) là thấp, không đạt hiệu quả đấu tranh và phòng chống tội phạm về ma túy, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định hành vi tàng trữ trái phép vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự súng săn của Nguyễn Bá Phẩm không cấu thành tội phạm. Ngày 26/8/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu bàn giao 01 khẩu súng, 13 viên đạn và 02 thanh kiếm kèm tài liệu liên quan cho Phòng Cảnh sát quản lý hành chính và trật tự xã hội Công an tỉnh Lào Cai để xử lý theo quy định của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Để nâng cao hiệu quả đấu tranh và phòng chống tội phạm về ma túy, xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Quốc D theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với toàn bộ số ma túy thu giữ trong vụ án và những hộp bánh đậu xanh Thiên Hương, bình nước bằng kim loại, cân điện tử, hộp gỗ, túi xách cần tịch thu tiêu hủy. Trả lại cho các bị cáo những tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội. Tịch thu sung quỹ những tài sản liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Tạm giữ một số tiền của các bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị T, Phạm Thu H phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Bị cáo Nguyễn Quốc D phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm h khoản 3 điều 251; điểm s, t khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 17, 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 22/7/2019.

Căn cứ khoản 1 điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 17, 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thu H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị

cáo đi thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 22/7/2019 đến ngày 31/7/2019.

Căn cứ điểm n, o khoản 2, khoản 5 điều 249; điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc D 09 (chín) năm tù. Phạt bổ sung bị cáo 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt 09 (chín) năm tù của Bản án này với hình phạt 10 (mười) năm tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 28/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Buộc bị cáo Nguyễn Quốc D phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 19 (mười chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ của bản án này là ngày 23/7/2019, được khấu trừ thời hạn tạm giam của Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 28/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ từ ngày 08/9/2018 đến ngày 26/10/2018.

Về vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) bì thư in sẵn của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai. Tại các mép dán của bì niêm phong có chữ ký của các bên tham gia giao nhận, đối tượng và hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai. Bì niêm phong được dán phủ bằng lớp băng dính trong suốt. Trên một mặt bì của bì niêm phong có ghi “Vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định thu giữ khi bắt quả tang Phạm Thu H ngày 22/7/2019 tại thôn 7, xã Đồng Tuyển, thành phố Lào C, tỉnh Lào Cai”. Bên trong chứa 0,59 gam chất ma túy Methamphetamine; 01 hộp giấy bánh đậu xanh Thiên Hương và niêm phong ban đầu. Niêm phong còn nguyên vẹn, đúng quy định.

- 01 (một) bì thư in sẵn của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai. Tại các mép dán của bì niêm phong có chữ ký của các bên tham gia giao nhận, đối tượng và hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai. Bì niêm phong được dán phủ bằng lớp băng dính trong suốt. Trên một mặt bì của bì niêm phong có ghi “Vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định thu giữ khi khám xét nơi ở của Nguyễn Thị T ngày 22/7/2019, tại phòng 607 nhà N4 khu B chung cư Nam Huy thuộc thôn 7, xã Đồng Tuyển, thành phố Lào C, tỉnh Lào Cai”. Bên trong chứa 28,67 gam Methamphetamine; 14,09 gam Ketamine và niêm phong ban đầu. Niêm phong còn nguyên vẹn, đúng quy định.

- 01 (một) bì thư in sẵn của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai. Tại các mép dán của bì niêm phong có chữ ký của các bên tham gia giao nhận, đối tượng và hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai. Bì niêm phong được dán phủ bằng lớp băng dính trong suốt. Trên một mặt bì của bì niêm phong có ghi “Vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định thu giữ khi khám xét chỗ ở của Nguyễn Quốc D ngày 23/7/2019 tại thôn Hồng Giang,

xã Vạn Hòa, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai”. Bên trong chứa 26,33 gam Methamphetamine; 0,56 gam Ketamine; 0,64 gam MDMA; 1,43 gam nhựa thuốc phiện; 13,79 gam không phải chất ma túy; 01 túi da và các bì niêm phong ban đầu. Niêm phong còn nguyên vẹn, đúng quy định.

- 01 bình nước bằng kim loại; 01 túi xách phụ nữ màu đen bạc; 01 cân điện tử; 01 hộp gỗ; 02 vỏ hộp bánh đậu xanh Thiên Hương thu giữ của Nguyễn Thị T. 100 túi nilon loại miết mép; 01 cân điện tử thu giữ của Nguyễn Quốc D.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone có số IMEI: 356955060688525 của bị cáo Phạm Thu H; 01 điện thoại di động Iphone màu vàng đồng có số IMEI: 354435066653080 của bị cáo Nguyễn Thị T.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng đồng có số IMEI: 353798085857086; trả lại cho bị cáo Nguyễn Quốc D: 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Quốc D số 063059334 do Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 24/12/2018; 01 điện thoại di động NOKIA vỏ màu tối có số seri 1: 354180107367619, số seri 2: 354180107867618; 01 điện thoại di động Iphone có số IMEI: 359215076511139.

(Những vật chứng nêu trên được mô tả theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16/9/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai).

+ Tạm giữ để đảm bảo thi hành án số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) của bị cáo Nguyễn Quốc D; 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) của bị cáo Nguyễn Thị T; 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) của bị cáo Phạm Thu H. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T 9.800.000 đồng (Chín triệu tám trăm ngàn đồng); trả lại cho bị cáo Phạm Thu H 390.000 đồng (ba trăm chín mươi ngàn đồng). Tất cả số tiền tạm giữ và trả lại của các bị cáo hiện đang được gửi trong tài khoản số 3949.0.9051074 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Lào Cai, theo giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 04/9/2019.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Nguyễn Thị T, Phạm Thu H, Nguyễn Quốc D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- CQCSĐT Công an tỉnh;
- CQTHAHS Công an tỉnh;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh;
- Trại tạm giam Lào Cai;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Người đại diện của BC;
- THA Tòa án 04;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Toàn